

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2025

V/v: *Kiện xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Quách Minh Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/HNGĐ - ST ngày 12/11/2024 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phú Văn H, sinh năm 1982; KHTT: SN 16, ngách 71, tổ 2, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở hiện nay: Số 12-7, đường Nobangcheon, phường Sacheon, thành phố Sacheon, phía Nam tỉnh Kyungsang, Hàn Quốc.

- Người đại diện theo ủy quyền giao nhận tài liệu, chi phí tố tụng cho anh H: Chị Đào Thị Thu N, sinh năm 1999; địa chỉ: Tầng 4, số 32 phố Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: SN 16, ngách 71, tổ 2, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phú Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18/7/2007 tại UBND phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian

đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2011 anh sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc, năm 2015 thì về Việt Nam. Đến tháng 10/2016 thì anh quay lại Hàn Quốc sinh sống cho đến nay. Khoảng năm 2021 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có sự khác biệt nhau trong tính cách, lối sống sinh hoạt hàng ngày nên hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến đầu năm 2024 thì vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị L cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị L

Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Phú Tùng P, sinh ngày 09/8/2008 và cháu Phú Hải Đ, sinh ngày 14/11/2013. Do hiện tại anh đang ở nước ngoài nên hai cháu đang do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh có ý kiến giao hai cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/01 tháng/ 01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có

(Anh H đã gửi Tòa án các văn bản có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc)

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phú Văn H có thời gian tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 18/7/2007 tại UBND phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2011 anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, năm 2015 thì về Việt Nam. Đến tháng 10/2016 thì anh quay lại Hàn Quốc sinh sống. Khoảng năm 2020 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện anh H khởi kiện đề nghị ly hôn, chị L đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Phú Tùng P, sinh ngày 09/8/2008 và cháu Phú Hải Đ, sinh ngày 14/11/2013. Do hiện tại anh H đang ở nước ngoài nên hai cháu đang do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/01 tháng/ 01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Năm 2016 vợ chồng chị có xây 01 ngôi nhà trên đất bố mẹ chồng. Do hiện tại anh H đang ở nước ngoài nên chị chưa yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, khi nào anh H về Việt Nam vợ chồng chị sẽ giải quyết tài sản chung bằng một vụ án khác sau.

Công nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của anh Phú Văn H:

1. Anh Phú Văn H được ly hôn với Nguyễn Thị L.

2. Giao quyền nuôi con Phú Tùng P , sinh ngày 09/8/2008 và cháu Phú Hải Đ, sinh ngày 14/11/2013 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Phú Văn H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con (Phú Tùng P , sinh ngày 09/8/2008 và cháu Phú Hải Đ) số tiền mỗi con là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng, thời điểm đóng góp kể từ tháng 02 năm 2025 đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn xin ly hôn. Quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.2. Việc giải quyết vắng mặt đương sự:

Anh H là nguyên đơn trong vụ kiện, quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt tại Tòa án (đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt). Chị L là bị đơn trong vụ kiện, quá trình giải quyết vụ án chị L có mặt tại Tòa án, (đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt). Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ kiện:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị L chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình ngày 18/7/2007. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đã có 02 con chung. Từ tháng 10/2016 cho đến nay anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Khoảng năm 2020 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống và khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng không quan tâm nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị L đã có nhiều mâu thuẫn, vụ án không tiến hành hoà giải được, không còn sự thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cơ sở để vợ chồng đoàn tụ là không thể thực hiện được, cần chấp nhận việc yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con:

Vợ chồng có con chung là cháu Phú Tùng P, sinh ngày 09/8/2008 và cháu Phú Hải Đ, sinh ngày 14/11/2013, hiện các con đang ở với mẹ.

Về ý kiến của anh H đề chị L được nuôi con sau ly hôn: Trên cơ sở quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 02/2000/HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần trên cơ sở điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên. Xét thấy cần quyết định giao con cho chị L để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là phù hợp với ý kiến nguyện vọng của các con, có căn cứ pháp luật.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, chị L là người nuôi con sau ly hôn, nghề nghiệp lao động, căn cứ vào việc cấp dưỡng phải đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng (bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để bảo đảm cuộc sống của người được cấp dưỡng) và căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000đ trên một tháng là có căn cứ pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bản án, quyết định về cấp dưỡng của Tòa án cấp sơ thẩm thuộc diện phải được thi hành

ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con cần xác định thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 01/02/2025.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Phú Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phú Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Giao quyền nuôi con Phú Tùng P, sinh ngày 09/8/2008 và cháu Phú Hải Đ, sinh ngày 14/11/2013 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Phú Văn H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con (Phú Tùng Phúc, sinh ngày 09/8/2008 và cháu Phú Hải Đ) số tiền mỗi con là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng, thời điểm đóng góp kể từ tháng 02 năm 2025 đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chưa yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phú Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng. Được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004816 ngày 12/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Anh H còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Hà Nội;
 - VKSND tỉnh Hòa Bình;
 - Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
 - Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
 - Các đương sự;
 - UBND P Hữu Nghị,
- TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tuấn